

Số: 296/2020/WSB

Cần Thơ, ngày 10 tháng 08 năm 2020

## **CÔNG BỐ THÔNG TIN**

*Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét*

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;  
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

**1. Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN – MIỀN TÂY**

- Mã chứng khoán: WSB
- Địa chỉ: KCN Trà Nóc, Phường Trà Nóc, Quận Bình Thủy, TP.Cần Thơ, Việt Nam
- Điện thoại liên hệ: 0292 3843333 Fax: 0292 3843222
- Email: [wsb@wsb-sabeco.com.vn](mailto:wsb@wsb-sabeco.com.vn)
- Người thực hiện công bố thông tin: Lê Đăng Khoa
- Loại thông tin công bố:  24h  72h  Yêu cầu  Bất thường  Định kỳ

**2. Nội dung thông tin công bố:**

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây công bố thông tin Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2020, Báo cáo tài chính đã được soát xét bởi Chi nhánh Công ty TNHH KPMG.


**3. Giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế 6 tháng đầu năm 2020 so với 6 tháng đầu năm 2019 (cùng kỳ năm trước) do:**

- Lợi nhuận hoạt động sản xuất kinh doanh chính giảm do sản lượng tiêu thụ giảm;

**4. Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty tại đường dẫn: <http://www.wsb-sabeco.com.vn/vi/quan-he-co-dong.html>**

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố. /.

**NGƯỜI THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN**

Nơi nhận:   
- Như trên;  
- Lưu: HC.



**Lê Đăng Khoa**



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây  
và công ty con**

**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ  
cho giai đoạn sáu tháng kết thúc  
ngày 30 tháng 6 năm 2020**



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây**  
**Thông tin về Công ty**

**Giấy Chứng nhận Đăng ký  
Doanh nghiệp số**

5703000144  
1800586579

ngày 13 tháng 4 năm 2005  
ngày 2 tháng 1 năm 2020

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 1800586579 ngày 2 tháng 1 năm 2020. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và các bản điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Cần Thơ cấp.

**Hội đồng Quản trị**

Ông Neo Gim Siong Bennett	Chủ tịch
Ông Trần Nguyên Trung	Thành viên
Ông Phạm Đình Hùng	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Đồi	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Kim Cúc	Thành viên

**Ban Kiểm soát**

Bà Trần Thị Loan Anh	Trưởng Ban Kiểm soát
Ông Đoàn Tiến Dũng	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Doanh	Thành viên

**Ban Giám đốc**

Ông Lê Đăng Khoa	Giám đốc
Ông Phạm Minh Quân	Phó Giám đốc
Ông Võ Văn Vân	Phó Giám đốc

**Người đại diện theo  
pháp luật**

Ông Neo Gim Siong Bennett	Chủ tịch
Ông Lê Đăng Khoa	Giám đốc

**Trụ sở đăng ký**

Khu Công nghiệp Trà Nóc  
Phường Trà Nóc, Quận Bình Thủy  
Thành phố Cần Thơ  
Việt Nam

**Công ty kiểm toán**

Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con**  
**Báo cáo của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Công ty và công ty con (gọi chung là “Nhóm Công ty”) cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 40 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Nhóm Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.



Lê Đăng Khoa  
Giám đốc

Thành phố Cần Thơ, ngày 8 tháng 8 năm 2020



KPMG Limited Branch  
10<sup>th</sup> Floor, Sun Wah Tower  
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward  
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam  
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

### **Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây (“Công ty”) và công ty con, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 8 tháng 8 năm 2020, được trình bày từ trang 5 đến trang 40.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

## Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

### Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 20-01-00316-20-2



Hà Văn Định

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số 0414-2018-007-1

Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Thanh Nghị

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số 0304-2018-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 8 tháng 8 năm 2020

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con**  
**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2020**

**Mẫu B 01a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>30/6/2020 VND</b>	<b>1/1/2020 VND</b>
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn</b> (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	<b>100</b>		<b>209.119.597.123</b>	<b>290.424.496.846</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>7</b>	<b>424.826.188</b>	<b>58.872.513.246</b>
Tiền	111		424.826.188	172.513.246
Các khoản tương đương tiền	112		-	58.700.000.000
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>101.920.000.000</b>	<b>129.620.000.000</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	8(a)	101.920.000.000	129.620.000.000
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>34.635.558.656</b>	<b>19.909.950.923</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	9	29.722.396.759	15.590.456.548
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		1.349.728.864	2.347.803.925
Phải thu ngắn hạn khác	136	10	3.563.433.033	1.971.690.450
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>11</b>	<b>71.633.955.456</b>	<b>81.984.666.441</b>
Hàng tồn kho	141		74.377.454.909	84.375.653.918
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.743.499.453)	(2.390.987.477)
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>505.256.823</b>	<b>37.366.236</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		505.256.823	37.366.236

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này*

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con**  
**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>30/6/2020 VND</b>	<b>1/1/2020 VND</b>
<b>Tài sản dài hạn</b> (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	<b>200</b>		<b>615.267.529.862</b>	<b>642.873.383.773</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>3.000.000</b>	<b>3.000.000</b>
Phải thu dài hạn khác	216		3.000.000	3.000.000
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>537.133.934.455</b>	<b>557.736.408.241</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	12	537.133.934.455	557.736.408.241
Nguyên giá	222		981.845.894.041	970.101.834.549
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(444.711.959.586)	(412.365.426.308)
Tài sản cố định vô hình	227		-	-
Nguyên giá	228		73.881.710	73.881.710
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(73.881.710)	(73.881.710)
<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>13</b>	<b>5.507.431.434</b>	<b>6.051.703.398</b>
Nguyên giá	231		12.588.185.818	12.588.185.818
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(7.080.754.384)	(6.536.482.420)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>4.189.836.129</b>	<b>7.922.181.819</b>
Xây dựng cơ bản dở dang	242	14	4.189.836.129	7.922.181.819
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>8(b)</b>	<b>52.419.505.356</b>	<b>55.485.977.262</b>
Đầu tư vào công ty liên kết	252		36.603.200.716	39.669.672.622
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253		16.135.902.200	16.135.902.200
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(319.597.560)	(319.597.560)
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>16.013.822.488</b>	<b>15.674.113.053</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	15	14.131.459.697	15.674.113.053
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		1.882.362.791	-
<b>TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>824.387.126.985</b>	<b>933.297.880.619</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con**  
**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

Mẫu B 01a – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2020 VND	1/1/2020 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>176.366.207.285</b>	<b>288.748.190.739</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>169.544.073.414</b>	<b>281.882.231.868</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	40.614.473.203	19.643.046.443
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.455.289	3.320.300
Thuế phải nộp Nhà nước	313	17	75.941.190.684	79.017.246.429
Phải trả người lao động	314		5.996.644.796	9.947.877.394
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	11.267.199.861	3.537.439.156
Phải trả ngắn hạn khác	319	19	10.630.349.923	9.825.366.570
Vay ngắn hạn	320	20	16.178.886.904	144.973.056.278
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	21	8.913.872.754	14.934.879.298
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>6.822.133.871</b>	<b>6.865.958.871</b>
Phải trả dài hạn khác	337		251.500.000	261.500.000
Dự phòng phải trả dài hạn	342	22	6.570.633.871	6.604.458.871
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>648.020.919.700</b>	<b>644.549.689.880</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>23</b>	<b>648.020.919.700</b>	<b>644.549.689.880</b>
Vốn cổ phần	411	24	145.000.000.000	145.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		145.000.000.000	145.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418	26	219.010.945.308	219.010.945.308
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		284.009.974.392	280.538.744.572
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		236.664.265.156	161.195.454.316
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		47.345.709.236	119.343.290.256
<b>TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>824.387.126.985</b>	<b>933.297.880.619</b>

Ngày 8 tháng 8 năm 2020

Người lập



Trương Thị Mỹ Hồng  
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Lê Đăng Khoa  
Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2020**

Mẫu B 02a – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2020 VND	30/6/2019 VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>28</b>	<b>363.955.477.588</b>	<b>514.621.559.639</b>
<b>Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp</b>	<b>11</b>	<b>29</b>	<b>299.715.018.086</b>	<b>411.640.358.348</b>
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>64.240.459.502</b>	<b>102.981.201.291</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	30	7.298.805.251	3.256.663.998
Chi phí tài chính	22	31	3.422.895.130	3.322.542.662
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		3.422.895.130	3.412.479.862
Phần (lỗ)/lãi trong công ty liên kết	24	8(b)	(664.071.906)	1.541.875.429
Chi phí bán hàng	25		-	54.643.900
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	32	8.852.762.409	12.725.022.930
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b> <b>{30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)}</b>	<b>30</b>		<b>58.599.535.308</b>	<b>91.677.531.226</b>
Thu nhập khác	31		499.328.591	180.325.511
Chi phí khác	32		15.218.132	9.699.827
<b>Kết quả từ các hoạt động khác</b> <b>(40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>484.110.459</b>	<b>170.625.684</b>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b> <b>(50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>59.083.645.767</b>	<b>91.848.156.910</b>
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>51</b>	<b>34</b>	<b>7.500.796.177</b>	<b>9.931.007.653</b>
<b>Lợi ích thuế TNDN hoãn lại</b>	<b>52</b>	<b>34</b>	<b>(1.882.362.791)</b>	<b>-</b>
<b>Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN</b> <b>(60 = 50 - 51 - 52)</b>	<b>60</b>		<b>53.465.212.381</b>	<b>81.917.149.257</b>
<b>Lãi trên cổ phiếu</b>				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	35	3.284	4.503

Ngày 8 tháng 8 năm 2020

Người lập:



Trương Thị Mỹ Hồng  
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Lê Đăng Khoa  
Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày**  
**30 tháng 6 năm 2020 (Phương pháp gián tiếp)**

**Mẫu B 03a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2020 VND	30/6/2019 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>59.083.645.767</b>	<b>91.848.156.910</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao và phân bổ	02		34.469.622.128	34.043.392.466
Các khoản dự phòng	03		352.511.976	(93.157.270)
Thu nhập lãi tiền gửi	05		(5.406.998.251)	(797.314.898)
Thu nhập từ cổ tức	05		(1.891.807.000)	(2.459.349.100)
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	05		(468.181.818)	-
Lỗ/(lãi) trong công ty liên kết	05		664.071.906	(1.541.875.429)
Chi phí lãi vay	06		3.422.895.130	3.412.479.862
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b> <b>trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>90.225.759.838</b>	<b>124.412.332.541</b>
Biến động các khoản phải thu	09		(12.388.954.830)	21.549.358.794
Biến động hàng tồn kho	10		9.998.199.009	11.122.262.425
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		20.663.620.932	(5.975.579.975)
Biến động chi phí trả trước	12		1.074.762.769	(825.172.215)
			<b>109.573.387.718</b>	<b>150.283.201.570</b>
Tiền lãi vay đã trả	14		(3.606.102.367)	(3.458.033.167)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(11.129.780.133)	(9.703.499.930)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(11.901.506.937)	(15.216.219.146)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động</b> <b>kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>82.935.998.281</b>	<b>121.905.449.327</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
Tiền chi mua tài sản cố định	21		(6.084.904.570)	(5.252.522.798)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		610.909.091	-
Tiền chi gửi tiền gửi có kỳ hạn	23		(40.550.000.000)	-
Tiền thu từ tiền gửi có kỳ hạn	24		68.250.000.000	-
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27		8.289.470.514	3.077.213.314
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động</b> <b>đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>30.515.475.035</b>	<b>(2.175.309.484)</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày**  
**30 tháng 6 năm 2020 (Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**

**Mẫu B 03a – DN/HN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2020 VND	30/6/2019 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
Tiền thu từ đi vay	33		224.142.636.012	324.783.247.228
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(352.936.805.386)	(358.159.530.598)
Tiền chi trả cổ tức	36		(43.104.991.000)	(29.064.980.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(171.899.160.374)</b>	<b>(62.441.263.370)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>(58.447.687.058)</b>	<b>57.288.876.473</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>58.872.513.246</b>	<b>23.671.505.612</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60)</b>	<b>70</b>	<b>7</b>	<b>424.826.188</b>	<b>80.960.382.085</b>

Ngày 8 tháng 8 năm 2020

Người lập:



Trương Thị Mỹ Hồng  
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Lê Đăng Khoa  
Giám đốc

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

**1. Đơn vị báo cáo**

**(a) Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

Ngày 10 tháng 8 năm 2010, cổ phiếu của Công ty được chính thức giao dịch trên thị trường giao dịch cổ phiếu của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCoM) tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, theo Thông báo số 694/TB-SGDHN ngày 3 tháng 8 năm 2010 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã giao dịch là WSB.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 bao gồm Công ty và công ty con (được gọi chung là “Nhóm Công ty”) và phần lợi ích của Nhóm Công ty trong công ty liên kết.

**(b) Hoạt động chính**

Các hoạt động chính của Nhóm Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bia, rượu, nước giải khát, nước tinh khiết đóng chai; sản xuất đồ uống không cồn; kinh doanh chế biến nông sản để làm nguyên liệu sản xuất bia, rượu, nước giải khát và xuất khẩu; và kinh doanh văn phòng và kho bãi.

**(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Nhóm Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con  
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng  
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**(d) Cấu trúc Nhóm Công ty**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, Công ty có 1 công ty con sở hữu trực tiếp và 1 công ty liên kết (1/1/2020: 1 công ty con sở hữu trực tiếp và 1 công ty liên kết), chi tiết như sau:

Tên công ty	Địa chỉ	Hoạt động chính	% sở hữu và quyền biểu quyết	
			30/6/2020	1/1/2020
<b>Công ty con sở hữu trực tiếp</b> Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn - Sóc Trăng	Huyện Châu Thành, Tỉnh Sóc Trăng, Việt Nam	Sản xuất, kinh doanh bia, rượu và nước giải khát	100%	100%
<b>Công ty liên kết</b> Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu	Thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu, Việt Nam	Sản xuất, kinh doanh bia, rượu và nước giải khát	20%	20%

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, Nhóm Công ty có 212 nhân viên (1/1/2020: 213 nhân viên).

**2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

**(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

**(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

**(c) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020.

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

**3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Nhóm Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán được Nhóm Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán được áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất năm gần nhất.

**(a) Cơ sở hợp nhất**

**(i) Công ty con**

Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Nhóm Công ty. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

**(ii) Công ty liên kết**

Công ty liên kết là công ty mà Nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Nhóm Công ty được hưởng trong thu nhập và chi phí của công ty liên kết, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Nhóm Công ty, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể với công ty liên kết. Khi phần lỗ của công ty liên kết mà Nhóm Công ty phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Nhóm Công ty trong công ty liên kết đó, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Nhóm Công ty có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

**(iii) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất**

Các giao dịch và số dư trong nội bộ Nhóm Công ty và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với công ty liên kết được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Nhóm Công ty tại công ty liên kết.

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**(b) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

**(c) Các khoản đầu tư**

**(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và được ghi nhận theo giá gốc.

**(ii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác**

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**(d) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**(e) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**(f) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 38 năm
▪ Máy móc và thiết bị	3 – 15 năm
▪ Phương tiện vận chuyển	6 – 10 năm
▪ Thiết bị quản lý	2 – 10 năm

**(g) Tài sản cố định vô hình**

***Phần mềm máy vi tính***

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

**(h) Bất động sản đầu tư cho thuê**

**(i) Nguyên giá**

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi Ban Giám đốc Công ty. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc 8 – 25 năm

**(i) Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho công trình xây dựng và máy móc chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

**(j) Chi phí trả trước dài hạn**

**(i) Chi phí đất trả trước**

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Nhóm Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất là từ 32 đến 35 năm.

**(ii) Bao bì luân chuyển**

Bao bì luân chuyển bao gồm chai, két sử dụng trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Nhóm Công ty và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Bao bì luân chuyển được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

**(iii) Công cụ và dụng cụ**

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Nhóm Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

**(k) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**(l) Dự phòng**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Nhóm Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

***Dự phòng trợ cấp thôi việc***

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Nhóm Công ty và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Nhóm Công ty chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

**(m) Vốn cổ phần**

***Cổ phiếu phổ thông***

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chênh lệch giữa số tiền thu được từ việc phát hành cổ phiếu theo mệnh giá được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông, sau khi trừ đi các ảnh hưởng của thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

**(n) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

**(o) Doanh thu và thu nhập khác**

**(i) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

**(ii) Doanh thu cho thuê**

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

**(iii) Thu nhập từ tiền lãi**

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

**(iv) Thu nhập từ cổ tức**

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

**(p) Các khoản thanh toán thuê hoạt động**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

**(q) Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận là một chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(r) Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Nhóm Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Nhóm Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

**(s) Lãi trên cổ phiếu**

Nhóm Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Nhóm Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi cho kỳ kế toán báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ.

Nhóm Công ty không có các cổ phiếu có tác động suy giảm tiền năng, quy định về trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng.

**(t) Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hay gián tiếp, kiểm soát bên kia hay gây ảnh hưởng đáng kể đến bên kia trong việc đưa ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

**4. Tính thời vụ của hoạt động kinh doanh**

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Nhóm Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bia. Hoạt động khác là cung cấp dịch vụ cho thuê văn phòng và kho bãi. Ban Giám đốc Công ty đánh giá rằng lĩnh vực hoạt động này không bị ảnh hưởng trọng yếu bởi tính thời vụ.

**5. Ảnh hưởng của Covid-19 và các quy định mới**

Sự bùng phát của đại dịch Vi rút Corona 2019 (“Covid-19”) từ tháng 3 năm 2020 tại Việt Nam và các biện pháp kiểm dịch và cách ly do Chính phủ Việt Nam ban hành đã ảnh hưởng bất lợi đến hoạt động sản xuất và kinh doanh của Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn, công ty mẹ, và do đó cũng ảnh hưởng tới hoạt động sản xuất và kinh doanh của Công ty và công ty con. Nghị định 100/2019/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2020 cũng ảnh hưởng đến ngành sản xuất kinh doanh bia rượu. Ban Giám đốc Công ty đã điều chỉnh chiến lược kinh doanh và áp dụng các biện pháp kiểm soát chi phí để giảm thiểu tác động tài chính của các sự kiện này. Mặc dù Việt Nam đã cho phép tất cả các lĩnh vực kinh doanh được mở cửa hoạt động trở lại, nhưng hoạt động du lịch quốc tế vẫn tạm thời bị đóng cửa. Ban Giám đốc Công ty vẫn tiếp tục theo dõi tình hình đại dịch Covid-19 để đưa ra các giải pháp kinh doanh phù hợp.

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**6. Báo cáo bộ phận**

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Nhóm Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bia. Hoạt động khác là cung cấp dịch vụ cho thuê văn phòng và kho bãi. Trong kỳ, hoạt động kinh doanh khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động của Nhóm Công ty. Theo đó thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 và ngày 1 tháng 1 năm 2020 và doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho các giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 và ngày 30 tháng 6 năm 2019 chủ yếu liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Nhóm Công ty.

Về mặt địa lý, Nhóm Công ty chỉ hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam.

**7. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>30/6/2020</b>	<b>1/1/2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	234.896.900	80.359.900
Tiền gửi ngân hàng	189.929.288	92.153.346
Các khoản tương đương tiền	-	58.700.000.000
	<hr/>	<hr/>
	424.826.188	58.872.513.246
	<hr/>	<hr/>

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**8. Đầu tư tài chính dài hạn**

**(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với thời gian đáo hạn trên ba tháng kể từ ngày gửi nhưng dưới mười hai tháng kể từ ngày báo cáo. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được gửi bằng VND và hưởng lãi suất từ 5,4% đến 7,4% một năm (1/1/2020: từ 6,6% đến 7,4% một năm).

**(b) Đầu tư tài chính dài hạn**

	30/6/2020					1/1/2020				
	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu và quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu và quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
<b>Đầu tư vào:</b>										
<b>Công ty liên kết</b>										
• Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu	2.402.400	20%	36.603.200.716	-	32.432.400.000	2.402.400	20%	39.669.672.622	-	36.036.000.000
<b>Các đơn vị khác</b>										
• Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô	1.891.807	9,46%	13.980.715.400	-	(*)	1.891.807	9,46%	13.980.715.400	-	(*)
• Công ty Cổ phần Dịch vụ và Thương mại DIC	145.060	1,28%	2.155.186.800	(319.597.560)	(*)	145.060	1,28%	2.155.186.800	(319.597.560)	(*)
			<u>52.739.102.916</u>	<u>(319.597.560)</u>				<u>55.805.574.822</u>	<u>(319.597.560)</u>	

(\*) Nhóm Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Biến động của đầu tư vào công ty liên kết trong kỳ như sau:

	<b>Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2020</b>	<b>30/6/2019</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu kỳ	39.669.672.622	39.488.724.099
Phần (lỗ)/lãi trong công ty liên kết	(664.071.906)	1.541.875.429
Cổ tức được chia	(2.402.400.000)	(3.603.600.000)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ	36.603.200.716	37.426.999.528

Thông tin trích lược từ bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu tại ngày và cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 như sau:

	<b>Tổng tài sản</b>	<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>Tổng vốn chủ sở hữu</b>	<b>(Lỗ)/lợi nhuận thuần sau thuế</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tại ngày và cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020	326.512.859.170	143.496.855.588	183.016.003.582	(3.320.359.531)
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
Tại ngày và cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019	348.711.898.168	161.576.900.529	187.134.997.639	5.894.300.873

Biến động của dự phòng đầu tư tài chính dài hạn trong kỳ như sau:

	<b>Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2020</b>	<b>30/6/2019</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu kỳ	319.597.560	849.646.800
Dự phòng hoàn nhập trong kỳ	-	(89.937.200)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ	319.597.560	759.709.600



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**9. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

**(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo các khách hàng lớn**

	<b>30/6/2020</b>	<b>1/1/2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	29.030.447.710	15.542.996.040
Các khách hàng khác	691.949.049	47.460.508
	29.722.396.759	15.590.456.548

**(b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan**

	<b>30/6/2020</b>	<b>1/1/2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<i><b>Công ty mẹ</b></i>		
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	29.030.447.710	15.542.996.040
<i><b>Bên liên quan khác</b></i>		
Công ty TNHH Một Thành Viên Cơ khí Sa Be Co	134.850.880	-
	134.850.880	-

Khoản phải thu thương mại từ công ty mẹ và bên liên quan khác không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thể thu được khi yêu cầu.

**10. Phải thu ngắn hạn khác**

	<b>30/6/2020</b>	<b>1/1/2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Phải thu lãi tiền gửi	3.315.944.987	1.904.210.250
Tạm ứng cho nhân viên	202.415.293	55.880.200
Phải thu khác	45.072.753	11.600.000
	3.563.433.033	1.971.690.450

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**11. Hàng tồn kho**

	30/6/2020		1/1/2020	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi đường	34.854.000	-	-	-
Nguyên vật liệu	17.609.846.490	-	24.148.154.614	-
Công cụ và dụng cụ	7.599.701.405	(2.743.499.453)	8.584.617.292	(2.390.987.477)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	21.074.229.874	-	23.130.351.223	-
Thành phẩm	28.058.823.140	-	28.360.644.039	-
Hàng hóa	-	-	151.886.750	-
	<b>74.377.454.909</b>	<b>(2.743.499.453)</b>	<b>84.375.653.918</b>	<b>(2.390.987.477)</b>

Biến động của dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong kỳ như sau:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Số dư đầu kỳ	2.390.987.477
Dự phòng trích lập trong kỳ	761.361.691
Dự phòng hoàn nhập trong kỳ	(408.849.715)
Số dư cuối kỳ	<b>2.743.499.453</b>

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**12. Tài sản cố định hữu hình**

	<b>Nhà cửa, vật kiến trúc VND</b>	<b>Máy móc và thiết bị VND</b>	<b>Phương tiện vận chuyển VND</b>	<b>Thiết bị quản lý VND</b>	<b>Tổng VND</b>
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu kỳ	171.466.682.813	767.624.597.546	14.631.408.768	16.379.145.422	970.101.834.549
Tăng trong kỳ	-	2.672.727.273	-	-	2.672.727.273
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	1.524.181.816	9.268.694.562	-	-	10.792.876.378
Thanh lý	-	(652.924.039)	(1.068.620.120)	-	(1.721.544.159)
Số dư cuối kỳ	172.990.864.629	778.913.095.342	13.562.788.648	16.379.145.422	981.845.894.041
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu kỳ	53.212.379.913	339.808.176.506	9.238.390.927	10.106.478.962	412.365.426.308
Khấu hao trong kỳ	4.190.766.341	28.377.313.948	616.990.560	740.279.315	33.925.350.164
Thanh lý	-	(510.196.766)	(1.068.620.120)	-	(1.578.816.886)
Số dư cuối kỳ	57.403.146.254	367.675.293.688	8.786.761.367	10.846.758.277	444.711.959.586
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số dư đầu kỳ	118.254.302.900	427.816.421.040	5.393.017.841	6.272.666.460	557.736.408.241
Số dư cuối kỳ	115.587.718.375	411.237.801.654	4.776.027.281	5.532.387.145	537.133.934.455

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 có các tài sản có nguyên giá 55.280 triệu VND (1/1/2020: 51.574 triệu VND) đã khấu hao hết, nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 240.667 triệu VND (1/1/2020: 254.166 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Nhóm Công ty (Thuyết minh 20).

**13. Bất động sản đầu tư**

	<b>Nhà cửa, vật kiến trúc VND</b>
<b>Nguyên giá</b>	
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	12.588.185.818
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
Số dư đầu kỳ	6.536.482.420
Khấu hao trong kỳ	544.271.964
Số dư cuối kỳ	7.080.754.384
<b>Giá trị còn lại</b>	
Số dư đầu kỳ	6.051.703.398
Số dư cuối kỳ	5.507.431.434

**14. Xây dựng cơ bản dở dang**

	<b>Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2020</b>	<b>30/6/2019</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu kỳ	7.922.181.819	-
Tăng trong kỳ	7.060.530.688	5.536.663.952
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(10.792.876.378)	(2.500.158.182)
Số dư cuối kỳ	4.189.836.129	3.036.505.770

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**15. Chi phí trả trước dài hạn**

	<b>Tiền thuê đất trả trước VND</b>	<b>Bao bì luân chuyển VND</b>	<b>Công cụ và dụng cụ VND</b>	<b>Tổng VND</b>
Số dư đầu kỳ	12.138.244.228	2.921.688.644	614.180.181	15.674.113.053
Tăng trong kỳ	-	-	321.387.562	321.387.562
Phân bổ trong kỳ	(282.670.257)	(1.161.741.631)	(419.629.030)	(1.864.040.918)
Số dư cuối kỳ	11.855.573.971	1.759.947.013	515.938.713	14.131.459.697

**16. Phải trả người bán ngắn hạn**

**(a) Phải trả người bán chi tiết theo các nhà cung cấp lớn**

	<b>Giá gốc/Số có khả năng trả nợ 30/6/2020 VND</b>	<b>1/1/2020 VND</b>
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	31.146.704.449	7.432.590.235
Công ty TNHH Chế biến Lương thực Trường Thắng	1.287.567.000	2.535.531.600
Các nhà cung cấp khác	8.180.201.754	9.674.924.608
	40.614.473.203	19.643.046.443

**(b) Phải trả người bán là các bên liên quan**

	<b>Giá gốc/Số có khả năng trả nợ 30/6/2020 VND</b>	<b>1/1/2020 VND</b>
<b>Công ty mẹ</b> Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	31.146.704.449	7.432.590.235
<b>Các bên liên quan khác</b> Công ty TNHH Một Thành Viên Cơ khí Sa Be Co Công ty Cổ Phần Nước Giải Khát Chương Dương	110.000.000 28.597.652	203.182.724 -

Khoản phải trả thương mại cho công ty mẹ và các bên liên quan khác không có đảm bảo, không chịu lãi và phải hoàn trả khi có yêu cầu.

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**17. Thuế phải nộp Nhà nước**

	<b>1/1/2020</b> <b>VND</b>	<b>Số phát sinh</b> <b>trong kỳ</b> <b>VND</b>	<b>Số đã nộp/cán</b> <b>trừ trong kỳ</b> <b>VND</b>	<b>30/6/2020</b> <b>VND</b>
Thuế tiêu thụ đặc biệt	64.571.461.604	323.945.800.294	(326.125.411.462)	62.391.850.436
Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.666.241.560	7.500.796.177	(11.129.780.133)	4.037.257.604
Thuế giá trị gia tăng	6.639.325.087	68.617.739.138	(66.620.659.679)	8.636.404.546
Thuế xuất nhập khẩu	-	10.896.515	(10.896.515)	-
Thuế thu nhập cá nhân	140.218.178	2.376.554.798	(1.641.094.878)	875.678.098
Thuế nhà đất	-	67.731.398	(67.731.398)	-
Các loại thuế khác	-	6.088.000	(6.088.000)	-
	<b>79.017.246.429</b>	<b>402.525.606.320</b>	<b>(405.601.662.065)</b>	<b>75.941.190.684</b>

**18. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<b>30/6/2020</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2020</b> <b>VND</b>
Mua tài sản cố định nhưng chưa nhận được hóa đơn	2.672.727.273	-
Chi phí sửa chữa	2.035.016.621	68.504.794
Chi phí sử dụng vỏ chai	1.550.955.723	-
Chi phí lãi vay	28.914.263	212.121.500
Chi phí khác	4.979.585.981	3.256.812.862
	<b>11.267.199.861</b>	<b>3.537.439.156</b>

**19. Phải trả ngắn hạn khác**

	<b>30/6/2020</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2020</b> <b>VND</b>
Cổ tức phải trả	5.880.742.808	5.485.733.808
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	115.000.000	334.050.000
Phải trả khác	4.634.607.115	4.005.582.762
	<b>10.630.349.923</b>	<b>9.825.366.570</b>

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**20. Vay ngắn hạn**

	1/1/2020	Biến động trong kỳ		30/6/2020
	Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	144.973.056.278	224.142.636.012	(352.936.805.386)	16.178.886.904

Vay ngắn hạn thể hiện khoản vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam “Vietinbank” – Chi nhánh 4, TP. Hồ Chí Minh với hạn mức tín dụng là 160.000 triệu VND và chịu lãi suất là 5,2% một năm. Khoản vay được dùng để bổ sung vốn lưu động của Nhóm Công ty và được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình hình thành từ dự án Nhà máy Bia Sài Gòn Sóc Trăng của Nhóm Công ty, có giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 là 240.667 triệu VND (1/1/2020: 254.166 triệu VND) (Thuyết minh 12). Thời hạn cho vay của từng khoản vay tối đa là 6 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay đó.

**21. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Nhóm Công ty theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông của Công ty. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Nhóm Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Nhóm Công ty.

Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020 VND	30/6/2019 VND
Số dư đầu kỳ	14.934.879.298	17.123.617.826
Trích lập trong kỳ (Thuyết minh 23)	5.846.675.393	12.503.108.622
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 23)	-	4.125.226.693
Sử dụng trong kỳ	(11.867.681.937)	(14.884.489.766)
Chuyển sang quỹ công tác xã hội	-	(3.411.186.410)
Số dư cuối kỳ	8.913.872.754	15.456.276.965

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**22. Dự phòng phải trả dài hạn**

Dự phòng phải trả dài hạn phản ánh dự phòng trợ cấp thôi việc. Biến động của dự phòng trợ cấp thôi việc trong kỳ như sau:

	<b>Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2020</b>	<b>30/6/2019</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu kỳ	6.604.458.871	6.943.129.071
Dự phòng hoàn nhập trong kỳ	-	(3.220.070)
Dự phòng sử dụng trong kỳ	(33.825.000)	(331.729.380)
Số dư cuối kỳ	<u>6.570.633.871</u>	<u>6.608.179.621</u>



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**23. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	<b>Vốn cổ phần VND</b>	<b>Quỹ đầu tư phát triển VND</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND</b>	<b>Tổng VND</b>
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2019</b>	145.000.000.000	219.010.945.308	165.320.681.009	529.331.626.317
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	81.917.149.257	81.917.149.257
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 21)	-	-	(12.503.108.622)	(12.503.108.622)
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 21)	-	-	(4.125.226.693)	(4.125.226.693)
Trích quỹ công tác xã hội	-	-	(431.002.849)	(431.002.849)
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 7 năm 2019</b>	145.000.000.000	219.010.945.308	230.178.492.102	594.189.437.410
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	79.360.252.470	79.360.252.470
Cô tức	-	-	(29.000.000.000)	(29.000.000.000)
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2020</b>	145.000.000.000	219.010.945.308	280.538.744.572	644.549.689.880
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	53.465.212.381	53.465.212.381
Cô tức (Thuyết minh 25)	-	-	(43.500.000.000)	(43.500.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Note 21)	-	-	(5.846.675.393)	(5.846.675.393)
Trích quỹ công tác xã hội	-	-	(272.827.752)	(272.827.752)
Điều chỉnh quỹ công tác xã hội	-	-	(374.479.416)	(374.479.416)
<b>Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2020</b>	145.000.000.000	219.010.945.308	284.009.974.392	648.020.919.700

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

## 24. **Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/6/2020 và 1/1/2020	
	Số cổ phiếu	VND
<b>Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành</b>		
Cổ phiếu phổ thông	14.500.000	145.000.000.000
<b>Số cổ phiếu đang lưu hành</b>		
Cổ phiếu phổ thông	14.500.000	145.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một quyền biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Nhóm Công ty. Đối với cổ phiếu đã được Công ty mua lại, các quyền trên đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Không có biến động của vốn cổ phần trong các giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 và ngày 30 tháng 6 năm 2019.

## 25. **Cổ tức**

Tại cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông thường niên ngày 10 tháng 3 năm 2020, Đại Hội đồng Cổ đông của Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức cho các cổ đông là 72.500 triệu VND (tương đương 5.000 VND/cổ phiếu) từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2019, trong đó 29.000 triệu VND đã được tạm ứng cho các cổ đông trong năm 2019 (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019; Đại Hội đồng Cổ đông quyết định phân phối khoản cổ tức cho các cổ đông là 116.000 triệu VND (tương đương 8.000 VND/cổ phiếu) từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2018 và toàn bộ cổ tức đã được tạm ứng cho các cổ đông trong năm 2018).

## 26. **Quỹ đầu tư phát triển**

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo nghị quyết của Đại Hội đồng Cổ đông của Công ty. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**27. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán**

**(a) Cam kết thuê**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	<b>30/6/2020</b>	<b>1/1/2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Trong vòng một năm	1.319.062.541	1.298.386.486
Từ hai đến năm năm	5.549.180.465	5.455.246.480
Sau năm năm	37.533.200.620	37.988.051.418
	44.401.443.626	44.741.684.384

**(b) Cam kết chi tiêu vốn**

Tại ngày báo cáo, Nhóm Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán hợp nhất:

	<b>30/6/2020</b>	<b>1/1/2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	1.381.005.391	5.778.493.943
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	1.629.982.053	4.915.909.091
	3.010.987.444	10.694.403.034

**(c) Hàng hóa nhận giữ hộ các bên thứ ba**

	<b>Đơn vị</b>	<b>30/6/2020</b>	<b>1/1/2020</b>
Chai rỗng	Chai	828.513	850.313
Két	Két	70.261	71.451

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**28. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng đã bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng và thuế tiêu thụ đặc biệt.

Doanh thu thuần bao gồm:

	<b>Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2020</b>	<b>30/6/2019</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tổng doanh thu		
▪ Bán thành phẩm	357.674.387.896	508.995.795.063
<i>Doanh thu bán thành phẩm đã bao gồm</i>		
<i>thuế tiêu thụ đặc biệt</i>	681.620.188.190	960.831.275.760
<i>Thuế tiêu thụ đặc biệt</i>	(323.945.800.294)	(451.835.480.697)
▪ Cung cấp dịch vụ	780.324.784	891.582.365
▪ Doanh thu khác	5.500.764.908	4.734.182.211
	363.955.477.588	514.621.559.639

**29. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp**

	<b>Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2020</b>	<b>30/6/2019</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tổng giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp		
▪ Giá vốn thành phẩm đã bán	297.842.444.214	410.594.502.747
▪ Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	637.992.332	677.031.063
▪ Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	352.511.976	-
▪ Giá vốn khác	882.069.564	368.824.538
	299.715.018.086	411.640.358.348

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**30. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020 VND	30/6/2019 VND
Cổ tức được chia	1.891.807.000	2.459.349.100
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	5.406.998.251	797.314.898
	<hr/>	<hr/>
	7.298.805.251	3.256.663.998

**31. Chi phí tài chính**

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020 VND	30/6/2019 VND
Chi phí lãi vay	3.422.895.130	3.412.479.862
Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	-	(89.937.200)
	<hr/>	<hr/>
	3.422.895.130	3.322.542.662

**32. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020 VND	30/6/2019 VND
Chi phí nhân viên	4.725.173.324	7.087.152.237
Chi phí nguyên vật liệu	197.240.678	146.401.363
Chi phí khấu hao	705.018.325	685.042.433
Chi phí dịch vụ mua ngoài	885.033.558	1.087.993.159
Chi phí quản lý khác	2.340.296.524	3.718.433.738
	<hr/>	<hr/>
	8.852.762.409	12.725.022.930

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**33. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố**

	<b>Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2020</b>	<b>30/6/2019</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	215.474.062.093	313.627.110.299
Chi phí nhân công và nhân viên	22.418.830.729	27.453.188.136
Chi phí khấu hao và phân bổ	34.469.622.128	34.043.392.466
Chi phí dịch vụ mua ngoài	23.744.543.413	26.348.695.193
Chi phí khác	18.625.426.480	23.322.610.397

**34. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất**

	<b>Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2020</b>	<b>30/6/2019</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp</b>		
Kỳ hiện hành	6.915.213.185	9.924.017.882
Dự phòng thiếu trong những năm trước	585.582.992	6.989.771
	<b>7.500.796.177</b>	<b>9.931.007.653</b>
<b>Lợi ích thuế thu nhập hoãn lại</b>		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	(1.882.362.791)	-
	<b>5.618.433.386</b>	<b>9.931.007.653</b>

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020 VND	30/6/2019 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	59.083.645.767	91.848.156.910
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	11.816.729.153	18.369.631.382
Chi phí không được khấu trừ thuế	163.701.333	165.568.104
Thu nhập không bị tính thuế	(378.361.400)	(491.869.820)
Ưu đãi thuế	(1.160.565.902)	(2.597.419.460)
Ảnh hưởng của mức thuế suất khác áp dụng đối với công ty con	(2.571.698.718)	(5.503.334.530)
Ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trong những năm trước	(2.836.954.072)	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận	-	(18.557.794)
Dự phòng thiếu trong những năm trước	585.582.992	6.989.771
	<b>5.618.433.386</b>	<b>9.931.007.653</b>

**(c) Thuế suất áp dụng**

**(i) Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây (“Công ty”)**

Theo các điều khoản trong Luật Thuế Thu nhập, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

**(ii) Công ty TNHH Một Thành Viên Bia Sài Gòn - Sóc Trăng (“Công ty con”)**

Theo Giấy Chứng nhận Đầu tư số 59221000029 do Ban Quản lý các Khu Công nghiệp tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 3 tháng 4 năm 2012, Công ty con được hưởng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 10% trên lợi nhuận tính thuế trong 15 năm kể từ khi đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh (năm 2014) và được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế (từ năm 2014 đến năm 2017) và giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo (từ năm 2018 đến năm 2026).

Mức thuế suất thuế thu nhập thông thường áp dụng cho doanh nghiệp chưa tính các ưu đãi là 20%.

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**35. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ kế toán báo cáo và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

**(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông**

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020 VND	30/6/2019 VND
Lợi nhuận thuần trong kỳ	53.465.212.381	81.917.149.257
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(5.846.675.393)	(16.628.335.315)
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	47.618.536.988	65.288.813.942

**(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền**

Không có biến động của số lượng cổ phiếu cho các giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 và ngày 30 tháng 6 năm 2019. Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền dùng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho cả hai kỳ báo cáo là 14.500.000 cổ phiếu.

**36. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, trong kỳ, Nhóm Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND	30/6/2019 VND
<b>Công ty mẹ</b>		
<b>Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn</b>		
Bán thành phẩm (bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt)	682.239.772.190	960.349.877.760
Mua nguyên vật liệu	178.384.727.276	264.110.161.245
Cổ tức	22.185.000.000	-
<b>Công ty liên kết</b>		
<b>Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu</b>		
Bán hàng hóa	75.014.284	-
Cổ tức được chia	2.402.400.000	3.603.600.000



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Giá trị giao dịch</b>	
	<b>Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày</b>	<b>Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày</b>
	<b>30/6/2020</b>	<b>30/6/2019</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Các bên liên quan khác</b>		
<b>Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô</b>		
Mua hàng hóa	3.272.727	8.181.820
Cổ tức được chia	1.891.807.000	2.459.349.100
Mượn vật tư	-	15.436.000
<b>Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại Bia Sài Gòn</b>		
Mua hàng hóa	-	762.399.000
<b>Công ty TNHH Một Thành Viên Cơ khí Sa Be Co</b>		
Bán hàng hóa	122.591.709	-
Mua hàng hóa và dịch vụ	40.000.000	1.048.900.000
<b>Công ty Cổ phần Thương Mại Bia Sài Gòn Sông Hậu</b>		
Mua hàng hóa	625.646.720	291.739.500
<b>Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Tiền</b>		
Mua hàng hóa	10.530.000	3.927.400
<b>Công ty Cổ phần Nước Giải Khát Chương Dương</b>		
Mua hàng hóa	115.541.460	-
<b>Công ty Cổ phần Rượu Bình Tây</b>		
Mua hàng hóa	84.800.000	-
<b>Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang</b>		
Bán hàng hóa	-	50.904.000
<b>Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn Miền Trung</b>		
Bán hàng hóa	-	23.645.806
<b>Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Miền Đông</b>		
Mua hàng hóa	-	17.550.000
<b>Nhân sự quản lý chủ chốt</b>		
Lương, thưởng và thù lao	4.793.477.630	6.774.596.678

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**37. Các giao dịch phi tiền tệ từ hoạt động đầu tư**

	<b>30/6/2020</b>	<b>1/1/2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Mua tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang chưa thanh toán	4.275.264.186	1.442.174.430

**38. Sự kiện sau ngày trên bảng cân đối kế toán**

***Cổ tức công bố sau khi kết thúc kỳ kế toán***

Sau khi kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã công bố khoản cổ tức cho các cổ đông là 14.500 triệu VND (tương đương 1.000 VND/cổ phiếu) theo Nghị quyết ngày 29 tháng 7 năm 2020. Số cổ tức phải trả chưa được ghi nhận trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

**39. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2020 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019. Số liệu so sánh cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty tại ngày và cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019.

Ngày 8 tháng 8 năm 2020

Người lập:

Trương Thị Mỹ Hồng  
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Lê Đăng Khoa  
Giám đốc

